TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN
Bản án số: 53/2023/ST–HNGĐ
Ngày 08 tháng 5 năm 2023
"V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Đức và bà Trần Thị Tuyết Mai.

Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Hoài L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST–HNGĐ ngày 06/02/2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 19/4/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Diệu L – Sinh năm: 2000.

HKTT: Thôn 3, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện nay: Xóm V, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh Bùi Đức L – Sinh năm: 1998.

HKTT: Thôn 3, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệu L vắng mặt, tuy nhiên trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Diệu L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Bùi Đức L kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp, luôn bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau. Nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Mặc dù, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ để hòa hợp nH vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Do mâu thuẫn vợ ngày càng căng thẳng không thể hòa

giải được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Về con chung: Có 01 người con chung là Bùi Đức Gia H – Sinh ngày: 23/9/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì con ở với chị L. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung gì và không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa anh Bùi Đức L vắng mặt nH trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Đức L trình bày: Năm 2020, anh Bùi Đức L kết hôn với chị Nguyễn Thị Diệu L có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù, gia đình 2 bên đã hòa giải nH vợ chồng không hòa hợp được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị L yêu cầu ly hôn thì anh L cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 01 người con chung là Bùi Đức Gia H – Sinh ngày: 23/9/2020. Nay ly hôn, anh L đồng ý để chị L nuôi con và anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung gì và không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị Diệu L được ly hôn với anh Bùi Đức L; Về nuôi con chung: Giao con chung là Bùi Đức Gia H – Sinh ngày: 23/9/2020 cho chị Nguyễn Thị Diệu L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Đức L thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận; Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diệu L phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" mà bị đơn cư trú xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Bùi Đức L kết hôn với nhau vào năm 2020 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống của hai vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2022 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Đức L cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống. NH giữa chị L và anh L đã sống ly thân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó hôn nhân giữa chị L và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh L cũng đồng ý ly hôn với chị L.

[2.2] Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Bùi Đức L có 01 người con chung là Bùi Đức Gia H – Sinh ngày: 23/9/2020. Từ khi vợ chồng ly thân, con ở với chị L. Nay ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi con và anh L cũng đồng ý để con cho chị L nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình cũng phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Bùi Đức L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diệu L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Đức L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

- Tuyên xử:

**** Về quan hệ hôn nhân***: Cho chị Nguyễn Thị Diệu L được ly hôn với anh Bùi Đức L.

**** Về nuôi con chung:*** Giao con chung là Bùi Đức Gia H – Sinh ngày: 23/9/2020 cho chị Nguyễn Thị Diệu L trực tiếp nuôi dưỡng.

**** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:*** Anh Bùi Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/Một tháng), thi hành kể từ ngày 08/5/2023 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

**** Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị Diệu L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000306 ngày 06/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

**** Về quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND A;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *UBND xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Lệ Hằng